

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022



MỤC LỤC

NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 – 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537 lần đầu ngày 29/12/2010. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ và ngành nghề kinh doanh của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 đến lần thứ 09 ngày 12/11/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 09 ngày 12/11/2021 là 300.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán HOSE với mã cổ phiếu: CRC.

Công ty có trụ sở tại số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Mai Anh Tám	Chủ tịch Hội đồng quản trị	
Bà Dương Thị Huyền	Thành viên HĐQT	
Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên HĐQT	
Ông Nguyễn Lâm Tùng	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm từ ngày 09/04/2022
Ông Lê Thành Nhân	Thành viên HĐQT	
Ông Phạm Văn Trường	Thành viên HĐQT	Bỏ nhiệm từ ngày 09/04/2022

Ban kiểm soát

Bà Phạm Thị Huệ	Trưởng ban
Bà Hà Thị Hiến	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Nhu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Công ty có kế hoạch tăng vốn điều lệ theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 0904/2022/CRC/BB-ĐHCĐ ngày 09/04/2022 với mức tăng dự kiến 518.000.000.000 đồng (*Bao gồm: 300.000.000.000 đồng thông qua phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng; 200.000.000.000 đồng thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp; 18.000.000.000 đồng từ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu*). Công ty đã gửi kế hoạch tăng vốn lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, việc tăng vốn sẽ được thực hiện sau khi được Ủy ban chứng khoán nhà nước phê duyệt.

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam, được lập ngày 31/03/2023 từ trang 05 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thị Thu Hà
Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1387-2023-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM – CHI NHÁNH MIỀN BẮC

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023



Nguyễn Quỳnh Trang
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1469-2023-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		277.921.149.180	262.377.153.301
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	29.177.886.751	35.790.959.278
1. Tiền	111		16.177.886.751	15.790.959.278
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.000.000.000	20.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		400.000.000	100.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	400.000.000	100.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		173.459.648.880	103.641.467.132
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	36.301.708.626	4.339.140.137
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	100.040.252.002	87.879.601.476
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	37.939.232.204	11.422.725.519
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.8	(821.543.952)	-
IV. Hàng tồn kho	140		49.474.640.835	95.795.887.453
1. Hàng tồn kho	141	5.7	49.474.640.835	95.795.887.453
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25.408.972.714	27.048.839.438
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	151.188.121	45.121.741
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		25.257.784.593	27.003.717.697
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		368.056.714.079	379.759.368.096
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		42.450.000.000	38.140.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	42.450.000.000	38.140.000.000
II. Tài sản cố định	220		274.289.313.569	279.542.553.794
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	274.289.313.569	279.542.553.794
- Nguyên giá	222		308.183.572.194	296.189.342.180
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(33.894.258.625)	(16.646.788.386)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		44.005.124.330	20.975.428.504
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	44.005.124.330	20.975.428.504
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	6.790.000.000	41.007.950.023
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	34.217.950.023
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		6.790.000.000	6.790.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		522.276.180	93.435.775
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	504.531.755	49.063.296
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.11	17.744.425	44.372.479
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		645.977.863.259	642.136.521.397

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		272.486.103.020	292.642.817.662
I. Nợ ngắn hạn	310		170.755.816.655	158.431.286.587
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	10.031.876.076	23.732.258.249
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	1.307.392.640	23.070.205.617
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	1.458.951.671	1.232.872.602
4. Phải trả người lao động	314		-	218.906.769
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	552.695.743	300.491.008
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	115.989.115
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	967.450.500	2.469.710.000
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	156.437.450.025	107.290.853.227
II. Nợ dài hạn	330		101.730.286.365	134.211.531.075
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		204.711.241	221.862.397
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	101.525.575.124	133.989.668.678
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		373.491.760.239	349.493.703.735
I. Vốn chủ sở hữu	410		373.491.760.239	349.493.703.735
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	5.18	300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.645.604.925	10.645.604.925
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		57.794.531.547	33.853.430.460
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		33.775.430.460	11.530.775.098
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		24.019.101.087	22.322.655.362
4. Lợi ích cổ đông không kiểm	429		5.051.623.767	4.994.668.350
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		645.977.863.259	642.136.521.397

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ THÚY NGA



VŨ THỊ THỦY



DƯƠNG THỊ HUYỀN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	421.735.616.888	369.087.805.784
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	421.735.616.888	369.087.805.784
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	373.653.166.138	343.727.819.008
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		48.082.450.750	25.359.986.776
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.301.466.257	3.282.621.896
7. Chi phí tài chính	22	6.4	16.690.029.320	10.395.129.323
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.440.264.937	10.385.060.081
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	402.720.715
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	1.382.364.850	1.798.638.947
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	5.303.042.843	4.315.915.174
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.008.479.994	12.535.645.943
12. Thu nhập khác	31	6.7	709.663.467	10.706.328.549
13. Chi phí khác	32	6.7	953.958.971	35.355.053
14. Lợi nhuận khác	40		(244.295.504)	10.670.973.496
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.764.184.490	23.206.619.439
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	1.200.499.932	754.335.102
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.6	26.628.054	(11.521.260)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		24.537.056.504	22.463.805.597
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		24.019.101.087	22.322.655.362
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	62		517.955.417	141.150.235
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	801	1.275
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.10	294	1.275

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





NGUYỄN THỊ THÚY NGA

VŨ THỊ THUÝ

DUYNG THỊ HUYỀN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		25.764.184.490	23.206.619.439
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		17.247.470.239	8.613.141.596
- Các khoản dự phòng	03		821.543.952	(245.626.755)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(44.672.907)	(16.945.321)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.238.333.590)	(2.304.686.996)
- Chi phí lãi vay	06		16.440.264.937	10.385.060.081
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		58.990.457.121	39.637.562.044
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(48.231.201.700)	62.933.217.055
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		46.123.581.279	106.710.637.678
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(39.571.793.930)	(315.129.606.475)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(561.534.839)	(41.276.416)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(16.169.816.023)	(10.222.364.837)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(754.335.102)	(1.422.561.129)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(4.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(174.643.194)	(117.539.292.080)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(33.935.490.788)	(51.391.051.593)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	363.636.364
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(400.000.000)	(81.733.036.300)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		100.000.000	162.633.036.300
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	7.2	10.775.000.000	17.761.667.561
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		507.829.970	3.130.310.502
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(22.952.660.818)	(73.811.123.043)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	149.998.900.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	7.2	373.479.032.767	358.512.526.697
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(356.920.470.802)	(309.496.919.494)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(69.990.291)	(7.104.549.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		16.488.571.674	191.909.957.703
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		(6.638.732.338)	559.542.580
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		35.790.959.278	35.233.178.837
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		25.659.811	(1.762.139)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		29.177.886.751	35.790.959.278

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





NGUYỄN THỊ THÚY NGA

VŨ THỊ THÚY

DUYÊN THỊ HUYỀN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537 lần đầu ngày 29/12/2010. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 đến lần thứ 09 ngày 12/11/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 09 ngày 12/11/2021 là 300.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán HOSE với mã cổ phiếu: CRC.

Công ty có trụ sở tại số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty và công ty con tại thời điểm 31/12/2022 là 27 người (*tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty và công ty con tại thời điểm 31/12/2021 là 35 người*).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc sắt thép; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Hoạt động tư vấn quản lý; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Sản xuất pin và ắc quy (Chi tiết sản xuất tấm tế bào quang điện); Sản xuất thiết bị điện khác (Chi tiết sản xuất thiết bị điện năng lượng mặt trời); Sửa chữa thiết bị điện; Sản xuất linh kiện điện tử; Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học; Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học; Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác; Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại; Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng; Sản xuất đồ điện dân dụng; Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu; Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị khác; Sản xuất điện (trừ thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân); Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Xây dựng công trình điện; Xây dựng nhà không để ở (Chi tiết Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ); Xây dựng công trình đường bộ (Chi tiết xây dựng công trình công ích); Xây dựng nhà để ở; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: xây dựng các dự án năng lượng, xây dựng công trình dân dụng; Kinh doanh thương mại nông sản (cao su, điều...), Kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng (sắt thép, tôn...), Cung cấp điện năng lượng mặt trời; Cho thuê nhà...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**1.3 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty có 01 công ty con; Công ty cổ phần Công nghệ CRC; Trong đó: Công ty cổ phần Công nghệ CRC có 13 công ty con (tổng cộng 14 công ty con), cụ thể như sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
Công ty con				
1. Công ty cổ phần công nghệ CRC	Hà Nội	Năng lượng	99,98%	99,98%
Công ty con của Công ty cổ phần Công nghệ CRC				
1. Công ty cổ phần Canadian Solar Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	99%	99%
2. Công ty cổ phần CRC Power	Hà Nội	Năng lượng	99%	99%
3. Công ty cổ phần CRC Invest	Hà Nội	Năng lượng	99%	99%
4. Công ty cổ phần cung cấp năng lượng điện mặt trời	Hà Nội	Năng lượng	98%	98%
5. Công ty cổ phần Vinasolar Đồng Tháp	Hà Nội	Năng lượng	95%	95%
6. Công ty cổ phần Điện Nhật Nguyên Xanh	KonTum	Năng lượng	95%	95,9%
7. Công ty cổ phần Jinca Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	96,9%	96,9%
8. Công ty cổ phần xây lắp điện Lâm Đồng	Hà Nội	Năng lượng	97%	97%
9. Công ty cổ phần Elecsun Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	93,2%	93,2%
10. Công ty cổ phần Vinasolar Bảo Lộc	Lâm Đồng	Năng lượng	99,5%	99,5%
11. Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng năng lượng xanh	Hà Nội	Năng lượng	96%	96%
12. Công ty cổ phần Năng lượng Xanh Kosun	KonTum	Năng lượng	96,9%	96,9%
13. Công ty cổ phần Resun Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	97%	97%

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

2.1 Kỳ kế toán năm của Công ty: được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT – BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT - BTC.

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con do Công ty nắm quyền kiểm soát tại ngày 31/12/2022. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) phù hợp với quy định tại Thông tư 202/2014/TT – BTC hướng dẫn lập báo cáo tài chính hợp nhất, lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo sự nhất quán về các chính sách kế toán đang áp dụng tại Công ty. Các giao dịch nội bộ, công nợ và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ bị loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty, trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Công ty liên kết

Là đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát đối với các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

-01
CỘ
T
KIẾ
A V
CHI
MIẾ
Ờ H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Lãi từ giao dịch mua rẻ

Lãi từ giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi từ giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Ngân hàng thương mại mà Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán: Giao dịch tại ngân hàng thương mại nào sẽ sử dụng tỷ giá của chính ngân hàng đó.

Nguyên tắc kế toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải trả, nợ phải thu: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (Tiếp theo)

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả, nợ phải thu: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán Hàng tồn kho (Tiếp theo)***Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Kê khai thường xuyên.*Phương pháp xác định giá gốc của hàng tồn kho:* Bình quân gia quyền.*Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ:* Bao gồm chi phí nguyên vật liệu của dự án xây dựng chưa được ghi nhận doanh thu tại thời điểm cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

Tài sản	Thời gian khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
Máy móc thiết bị	06 - 20 năm
Phương tiện vận tải	06 năm

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản dở dang dài hạn tại ngày 31/12/2022 của Công ty bao gồm Chi phí xây dựng Nhà máy pin Yên Bái; Khu đô thị CRC, Chi phí mua xe Vinfast; Chi phí xây dựng trang trại gà và Chi phí xây dựng Nhà máy sản xuất lưới thép.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các khoản chi phí bảo hiểm tài sản, giá trị các công cụ dụng cụ và chi phí trả trước khác có thời gian phân bổ vào kết quả kinh doanh từ 7 đến 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa hệ thống pin và chi phí khác được phân bổ trong thời gian từ 24 đến 36 tháng.

Nguyên tắc ghi nhận Vay

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh trong quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) sau khi trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc năm tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Đến thời điểm thực chi, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch với số đã trích (nếu có). Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc năm tài chính bao gồm chi phí lãi vay phải trả, chi phí thuê đất và thuê kho phải trả.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Trong năm 2022, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát được trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu các công trình xây lắp

Doanh thu hoạt động xây dựng được ghi nhận khi có biên bản nghiệm thu, quyết toán và được khách hàng chấp nhận thanh toán. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi thanh lý các khoản đầu tư và chênh lệch tỷ giá. Lãi tiền gửi và lãi đầu tư trái phiếu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Lãi thanh lý các khoản đầu tư được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán hoặc đã cung cấp trong kỳ. Giá vốn của công trình xây dựng xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh liên quan trực tiếp tới việc xây dựng công trình đó. Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát và khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn và lỗ chênh lệch tỷ giá. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) và các khoản chi phí tài chính khác trong kỳ được ghi nhận đầy đủ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế

Các Công ty con hoạt động trong lĩnh vực sản xuất năng lượng tái tạo được hưởng ưu đãi theo khoản 1 điều 15 và khoản 1, 2 điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN. Theo đó các công ty con được miễn thuế TNDN 4 năm đầu và giảm 50% số thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu*Lãi cơ bản trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh hàng hóa, Năng lượng và dịch vụ, đầu tư tài chính và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý là Việt Nam và xuất khẩu ra nước ngoài. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	9.948.734.702	6.087.670.093
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.229.152.049	9.703.289.185
Các khoản tương đương tiền	13.000.000.000	20.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (i)	13.000.000.000	20.000.000.000
Tổng cộng	29.177.886.751	35.790.959.278

(i): Tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng với lãi suất 5,1%/ năm tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Thanh Xuân

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	400.000.000	400.000.000	100.000.000	100.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	400.000.000	400.000.000	100.000.000	100.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	-	100.000.000	100.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT VN	400.000.000	400.000.000	-	-
Dài hạn	6.790.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000
Trái phiếu	6.790.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000
Trái phiếu Ngân hàng NN & PT NTVN (ii)	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (iii)	290.000.000	290.000.000	290.000.000	290.000.000
Trái phiếu Ngân hàng Công Thương Việt Nam (iv)	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Tổng cộng	7.190.000.000	7.190.000.000	6.890.000.000	6.890.000.000

- (i) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng, lãi suất 4,8%/năm.
- (ii) Số lượng 500 trái phiếu với giá mua 500.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 10 năm (từ 25/12/2018 đến 25/12/2028), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi.
- (iii) Số lượng 29 trái phiếu với giá mua 290.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 7 năm (từ 19/12/2018 đến 19/12/2025), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi.
- (iv) Số lượng 60.000 trái phiếu với giá mua 6.000.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 10 năm (từ 30/07/2020 đến 30/07/2030), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi.

Giá trị trái phiếu thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng phát hành tại ngày 31/12/2022 là 6.790.000.000 đồng (tại ngày 31/12/2021 là 790.000.000 đồng, chi tiết tại thuyết minh số 5.17).

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

b. Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Tỷ lệ Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			34.217.950.023	-
+ Công ty cổ phần Khách ngồi Vĩnh Phúc (i)	49%	49%	15.923.392.564	-
+ Công ty TNHH Trường Sơn (ii)	45%	45%	18.294.557.459	-
Tổng cộng			34.217.950.023	-

(i): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do các khoản đầu tư này chưa niêm yết và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(ii): Trong năm, Công ty thoái vốn tại Công ty cổ phần Khách ngồi Vĩnh Phúc theo Nghị Quyết số 1210/2022/NQ-HĐQT ngày 12/10/2022 của Hội đồng quản trị.

(iii): Trong năm, Công ty thoái vốn tại Công ty TNHH Trường Sơn theo Nghị quyết số 2911/2022/NQ-HĐQT ngày 29/11/2022 và Nghị quyết số 0112/2022/NQ-HĐQT ngày 1/12/2022 của Hội đồng quản trị.

Các giao dịch chủ yếu giữa công ty và các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 8.2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**5.3. Phải thu khách hàng****Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty cổ phần XNK Nam Hà Nội	6.195.845.970	-
Công ty cổ phần VLXD Yên Bái	5.016.001.100	-
Công ty cổ phần công nghệ EMP	11.785.967.459	-
Công ty CP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum	6.360.370.640	-
Công ty điện lực Lâm Đồng - Điện lực Lâm Hà	1.722.880.999	988.046.664
Công ty điện lực Lâm Đồng - Điện lực Đức Trọng	1.054.015.193	856.987.476
Công ty TNHH MTV Phan Linh YB	-	793.630.000
Công ty cổ phần CRC SOLAR CELL	-	298.296.900
Các khách hàng khác	4.166.627.265	1.402.179.097
Tổng cộng	36.301.708.626	4.339.140.137

5.4 Trả trước cho người bán**Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty CP TMDV Nhật Minh Xanh	3.654.432.000	3.654.432.000
Công ty cổ phần XNK Nông sản GHT	34.597.117.977	17.620.720.581
Công ty cổ phần sản xuất XNK Thành Nam	11.385.339.707	11.729.771.406
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng Kontum	3.508.000.000	1.458.800.000
Công ty cổ phần công nghệ EMP	16.259.266.750	38.113.558.750
Công ty TNHH Đầu Tư và TMDV Hoàng Minh BG	8.381.644.880	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Vicenza	1.679.739.402	7.646.627.390
Công ty cổ phần XNK Caruvina	14.250.000.000	-
Công ty cổ phần Đầu tư CP FARM Việt Nam	2.500.000.000	-
Các nhà cung cấp còn lại	3.824.711.286	7.655.691.349
Tổng cộng	100.040.252.002	87.879.601.476

Trong đó

Khoản trả trước cho người bán với các bên có liên quan

	31/12/2022	01/01/2022
	8.900.187.879	-

(Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**5.5 Các khoản phải thu khác**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a. Ngắn hạn	37.939.232.204	11.422.725.519
<i>Tạm ứng (i)</i>	<i>9.101.557.572</i>	<i>5.518.000.000</i>
Ông Lương Văn Hà	-	1.850.000.000
Ông Hồ Công Trứ	-	1.868.000.000
Ông Nguyễn Xuân Đạt	2.600.000.000	-
Ông Nguyễn Quang Huy	5.101.557.572	-
Các đối tượng khác	1.400.000.000	1.800.000.000
Phải thu khác	28.837.674.632	5.904.725.519
Phải thu lãi tiền gửi, trái phiếu	213.029.917	187.576.274
Ông Trần Ngọc Khánh	-	4.425.000.000
Ông Nguyễn Tiến Độ (ii)	14.473.000.000	-
Ông Đào Văn Huỳnh (ii)	7.983.750.000	-
Ông Nguyễn Khắc Lưu (ii)	6.116.250.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	51.644.715	1.292.149.245
b. Dài hạn	42.450.000.000	38.140.000.000
Bà Triệu Thị Sa (iii)	9.000.000.000	9.000.000.000
Ông Mai Anh Đức (iv)	30.000.000.000	25.690.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hà (v)	3.000.000.000	3.000.000.000
BQL các khu công nghiệp tỉnh Lâm Đồng (vi)	450.000.000	450.000.000
Tổng cộng	80.389.232.204	49.562.725.519
Phải thu khác là bên có liên quan	30.000.000.000	25.690.000.000

(Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)

- (i) *Tạm ứng về hệ thống chống sét và tưới rửa pin và tạm ứng tiền san lấp nhà máy Pin mặt trời Yên Bái.*
- (ii) *Phải thu về chuyển nhượng cổ phần theo các Hợp đồng chuyển nhượng vốn cổ phần, số tiền đã được thu từ tháng 1 - 3 năm 2023.*
- (iii) *Tiền đặt cọc thuê đất theo hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTĐ/CRCINVEST ngày 10/06/2020 thời hạn 25 năm; Hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTĐ/CRCTECH ngày 10/06/2020 thời hạn 25 năm; Hợp đồng thuê đất số 01/HĐTĐ/INVEST ngày 10/07/2020 thời hạn 25 năm.*
- (iv) *Tiền đặt cọc thuê đất theo hợp đồng thuê đất số 02/2020/HĐTĐ/LAMHA2 ngày 18/09/2020 thời hạn 25 năm; Hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTĐ/DUCTRONG ngày 30/09/2020 thời hạn 25 năm; Hợp đồng thuê đất số 01/HĐTĐ/KONTUM ngày 10/06/2020 thời hạn 25 năm.*
- (v) *Tiền đặt cọc thuê đất theo hợp đồng thuê đất số 03/2020/HĐTĐ/DATEH ngày 24/08/2020 thời hạn 25 năm;*
- (vi) *Tiền ký quỹ theo Thỏa thuận ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư số 26/TTKQ ngày 11/09/2020 thời hạn từ 11/09/2020 đến 22/02/2054.*

5.6 Chi phí trả trước

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	151.188.121	45.121.741
- Công cụ dụng cụ	5.499.539	10.345.686
- Bảo hiểm tài sản	144.387.346	12.792.722
- Chi phí khác	1.301.236	21.983.333
Chi phí trả trước dài hạn	504.531.755	49.063.296
- Công cụ dụng cụ	147.545.773	49.063.296
- Chi phí sửa chữa hệ thống pin	351.865.982	-
- Chi phí khác	5.120.000	-
Tổng cộng	655.719.876	94.185.037

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**5.7 Hàng tồn kho**

		31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	(i)	786.315.000	-	189.368.263	-
Công cụ dụng cụ		-	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang		-	-	14.752.376.005	-
+ Dự án Solar Cell		-	-	13.303.304.304	-
+ Dự án nhà xưởng Bảo Lộc		-	-	1.240.165.584	-
+ Dự án khác		-	-	208.906.117	-
Thành phẩm		4.954.988.000	-	-	-
Hàng hóa	(i)	43.733.337.835	-	80.854.143.185	-
Tổng cộng		49.474.640.835	-	95.795.887.453	-

(i) Chi tiết hàng tồn kho của Công ty đang được gửi tại kho của các công ty khác như sau:

Tên công ty	Loại hàng gửi	31/12/2022	01/01/2022
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Cao su thành phẩm	-	4.868.263
Ông Nguyễn Văn Đàng	Cao su thành phẩm	-	19.691.084.700
Công ty CP sản xuất XNK Thành Nam	Nhân điều	26.134.247.568	29.612.183.500
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Vicenza	Gạch	10.032.867.546	9.830.765.007

5.8 Nợ xấu

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
BELTAMZHILIYA LTD	118.571.650	59.285.825	118.571.650	-
JA Solar International Limited	1.088.940.182	326.682.055	1.607.483.181	-
Tổng	1.207.511.832	385.967.880	1.726.054.831	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**5.9 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	<i>Máy móc, trang thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2022	293.792.520.907	2.396.821.273	-	296.189.342.180
Mua trong năm	-	627.612.727	61.593.636	689.206.363
Đầu tư XDCB hoàn thành	11.305.023.651	-	-	11.305.023.651
Tăng khác	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2022	305.097.544.558	3.024.434.000	61.593.636	308.183.572.194
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2022	15.962.343.219	684.445.167	-	16.646.788.386
Khấu hao trong kỳ	16.731.985.524	505.715.830	-	17.247.470.239
Tăng khác	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2022	32.694.328.743	1.190.160.997	-	33.894.258.625
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2022	277.830.177.688	1.712.376.106	-	279.542.553.794
Tại ngày 31/12/2022	272.403.215.815	1.834.273.003	61.593.636	274.289.313.569

Trong đó:

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay là 237.633.414.322 đồng (ngày 31/12/2021 là 251.185.239.224 đồng)

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Dự án điện mặt trời Phú Thọ	-	11.199.648.049
- Dự án nhà máy sản xuất pin mặt trời Yên Bái	24.690.423.269	-
- Dự án Khu đô thị CRC	140.000.000	-
- Xe ô tô Vinfast	961.000.000	-
- Nhà máy sản xuất lưới thép - Vinasolar Bảo Lộc	15.213.701.061	9.775.780.455
- Dự án Trại gà - Công ty cổ phần Công nghệ CRC	2.000.000.000	-
- Dự án Trại gà - Công ty cổ phần Năng lượng xanh Kosun	1.000.000.000	-
Tổng cộng	44.005.124.330	20.975.428.504

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****5.11 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

	31/12/2022	01/01/2022
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	17.744.425	44.372.479
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	17.744.425	44.372.479

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Công ty TNHH kinh doanh thương mại và dịch vụ Vinfast	1.017.100.000	1.017.100.000	-	-
Công ty TNHH Công trình Cơ điện Aircsun VN	1.981.214.056	1.981.214.056	2.681.214.056	2.681.214.056
Công ty cổ phần công nghệ EMP	34.674.188	34.674.188	1.261.083.310	1.261.083.310
Công ty cổ phần CRC Solar Cell	5.567.529.000	5.567.529.000	-	-
Ông Mai Anh Đức	24.000.000	24.000.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	1.407.358.832	1.407.358.832	19.789.960.883	19.789.960.883
Tổng cộng	10.031.876.076	10.031.876.076	23.732.258.249	23.732.258.249
Trong đó			31/12/2022	01/01/2022
Khoản phải trả nhà cung cấp là bên có liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)			24.000.000	-

5.13 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
- Bảo hiểm xã hội	-	-	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	33.000.000	33.000.000	33.000.000	33.000.000
- Phải trả ngắn hạn khác	934.450.500	934.450.500	2.436.710.000	2.436.710.000
+ Cổ tức lợi nhuận phải trả + Bà Nguyễn Thị Thanh	856.450.500	856.450.500	721.031.468	721.031.468
Dung	-	-	1.582.500.000	1.582.500.000
+ Phải trả khác	78.000.000	78.000.000	133.178.532	133.178.532
Tổng cộng	967.450.500	967.450.500	2.469.710.000	2.469.710.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Công nghệ năng lượng ET	1.164.500.000	1.164.500.000	-	-
Công ty cổ phần đầu tư CP Farm Việt Nam	-	-	4.112.366.688	4.112.366.688
Công ty cổ phần Thương mại Mai Sơn Lâm	-	-	7.600.000.000	7.600.000.000
Công ty cổ phần Tập đoàn Koly	-	-	5.763.399.040	5.763.399.040
Công ty TNHH MTV Đông An Gia Lai	-	-	639.010.000	639.010.000
Các đối tượng khác	142.892.640	142.892.640	4.955.429.889	4.955.429.889
Tổng cộng	1.307.392.640	1.307.392.640	23.070.205.617	23.070.205.617

Trong đó

	31/12/2022	01/01/2022
Khoản người mua trả tiền trước với các bên có liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)	-	7.614.007.040

5.15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2022 (VND)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2022 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	754.335.102	1.200.499.932	754.335.102	1.200.499.932
Thuế thu nhập cá nhân	457.537.500	3.499.515	369.150.500	91.886.515
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế kh	21.000.000	36.000.000	57.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	191.400.188	24.834.964	166.565.224
Tổng cộng	1.232.872.602	1.431.399.635	1.205.320.566	1.458.951.671

5.16 Chi phí phải trả

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
- Chi phí lãi vay	491.750.538	221.301.624
- Chi phí thuê đất, thuê kho phải trả	60.945.205	7.945.205
- Chi phí phải trả khác	-	71.244.179
Tổng cộng	552.695.743	300.491.008

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Ngày 22/12/2021 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****5.17 Vay và nợ thuế tài chính****a. Các khoản vay ngắn hạn**

	31/12/2022 (VND)		Phát sinh trong năm			01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn	129.838.267.037	129.838.267.037	373.090.974.046	326.883.499.815	83.630.792.806	83.630.792.806	
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình {1}	56.769.183.542	56.769.183.542	181.069.137.714	173.561.206.448	49.261.232.276	49.261.232.276	
+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Hồng Hà {2}	63.879.083.495	63.879.083.495	136.707.229.757	107.197.686.792	34.369.540.530	34.369.540.530	
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân {3}	9.190.000.000	9.190.000.000	27.609.606.575	18.419.606.575	-	-	
+ Vay cá nhân {8}	-	-	27.705.000.000	27.705.000.000	-	-	
Vay dài hạn đến hạn trả	26.599.182.988	26.599.182.988	32.976.093.554	30.036.970.987	23.660.060.421	23.660.060.421	
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng	-	-	205.333.324	249.333.328	44.000.004	44.000.004	
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng {4}	165.182.988	165.182.988	191.574.743	191.637.659	165.245.904	165.245.904	
+ Ngân hàng TMCP quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình {5}	6.654.000.000	6.654.000.000	6.654.000.000	6.654.000.000	6.654.000.000	6.654.000.000	
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công {6}	4.060.000.000	4.060.000.000	4.703.185.487	4.060.000.000	3.416.814.513	3.416.814.513	
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Nội {7}	15.720.000.000	15.720.000.000	21.222.000.000	18.882.000.000	13.380.000.000	13.380.000.000	
Tổng cộng	156.437.450.025	156.437.450.025	406.067.067.600	356.920.470.802	107.290.853.227	107.290.853.227	

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM
Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

b. Các khoản vay dài hạn

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	
Vay dài hạn	101.525.575.124	101.525.575.124	512.000.000	32.976.093.554	133.989.668.678
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng {3}	-	-	-	205.333.324	205.333.324
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng {4}	878.326.892	878.326.892	512.000.000	191.574.743	557.901.635
+ Ngân hàng TMCP quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình {5}	27.437.500.000	27.437.500.000	-	6.654.000.000	34.091.500.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công {6}	15.426.813.701	15.426.813.701	-	4.703.185.487	20.129.999.188
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Nội {7}	57.782.934.531	57.782.934.531	-	21.222.000.000	79.004.934.531
Tổng cộng	101.525.575.124	101.525.575.124	512.000.000	32.976.093.554	133.989.668.678

c. Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

- {1} Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình theo hợp đồng tín dụng sau:
Hợp đồng TDHM số 01/2022/8353501/HETD ngày 21/06/2022; Thời hạn vay là 05 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất 6,8%-9,2%/năm với khoản vay bằng VND và 4,8%-5,6%/năm với khoản vay bằng USD.
Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở có địa chỉ tại Lô đất số BT3.1 khu chức năng đô thị Tây Mộ thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm; Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo GCNQSD số CN467786 thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm; 29 trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với tổng mệnh giá 290.000.000 đồng; 750.000 Cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm.
- {2} Khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà theo hợp đồng tín dụng sau:
Hợp đồng tín dụng số 1260LAV202200250 ngày 19/05/2022; Thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất 9%-9,5%/năm đối với khoản vay bằng VND và 5%-6%/năm đối với khoản vay bằng USD.
Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CQ 666984 của bà Trần Thị Thu Hiền; Tài sản gắn liền với đất của Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc; 500 Trái phiếu Agribank mang tên Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam với tổng giá trị là 500.000.000 đồng.
- {3} Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng tín dụng sau:
Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2021-HĐCVHM/NHCT127 ngày 12/10/2021; Thời hạn vay là 4-6 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất 9%/năm.
Tài sản thế chấp: Trái phiếu Vietinbank trị giá 6.000.000.000 đồng; Quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế do bên nhận thế chấp tài trợ vốn với giá trị tối thiểu bằng số dư nợ; Toàn bộ nguồn thu luân chuyển qua tài khoản tiền gửi thanh toán VND số 118002774994 và tiền gửi thanh toán USD số 119002775000 và các tài khoản tiền gửi thanh toán của Công ty mở tại Ngân hàng sau thời điểm ký hợp đồng thế chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

d. Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn

{4} Khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng theo hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDHP/PL/2021/0494 ngày 02/04/2021 và Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDHP/PL/2021/0658 ngày 28/04/2021; Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất 7,5%/năm.
Tài sản thế chấp: Xe ô tô Xpander BKS: 30G-966.76 và Xe ô tô Ford Transit BSK: 29B-317.13, giá trị còn lại tại ngày 30/06/2022 lần lượt là 451.350.328 đồng và 515.977.205 đồng. (tại ngày 31/12/2021 lần lượt là 511.790.326 đồng và 583.425.203 đồng).

{5} Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình theo hợp đồng tín dụng sau

Hợp đồng cho vay số 65290.20.011.8298087.TD ngày 23/11/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất 13%/năm.

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị của dự án điện mặt trời; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty điện lực miền trung; 95% Cổ phần của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam tại Công ty cổ phần Công nghệ góp vốn số 04/CNCP/CRC/TECH do Công ty cổ phần Công nghệ CRC cấp ngày 30/06/2020.

Hợp đồng tín dụng số 12525.011.8374851.TD ngày 16/03/2021; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất 11,8%/năm.

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ dự án điện mặt trời mái nhà; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với Điện lực Lâm Đồng; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.

Hợp đồng vay số 4330.21.011.9148657.TD ngày 25/01/2021; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất 12,2%/năm.

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị hình thành từ dự án điện mặt trời; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với Điện lực Lâm Đồng; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.

Hợp đồng vay số 4636.21.011.9142097.TD ngày 25/01/2021; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất 12,7%/năm.

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị hình thành từ dự án điện mặt trời; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với Điện lực Lâm Đồng; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.

Hợp đồng vay số 12611.21.014.9720117.TD ngày 16/03/2021; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất 11,8%/năm.

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị hình thành từ dự án điện mặt trời; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với Tổng công ty điện lực miền nam; Toàn bộ cổ phần của Ông Hồ Công Trứ tại Công ty theo Giấy chứng nhận góp vốn số 02/GCNCP ngày 26/11/2020.

{6} Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công theo hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 01/2020/HDDA/20598213 ngày 26/06/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất 10,9%/năm.

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ dự án Điện mặt trời; 400.000 phiếu của công ty Create Capital Việt Nam (CRC) thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm; Nguồn thu từ dự án điện áp mái Lâm Hà 1; Thửa đất số 80, tờ bản đồ số 9 địa chỉ thôn Thanh Bình, Lâm Hà, Lâm Đồng số BU186588.

Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 01/2020/HDDA/2095745 ngày 17/09/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất 10,9%/năm.

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ Trang trại nông nghiệp tại địa điểm đầu tư dự án; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với EVN.

Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 01/2020/HDDA/20955417 ngày 09/09/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất 10,9%/năm.

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị, khung nhà xưởng của dự án Trang Trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; 350.000 Cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam (mã CRC) thuộc sở hữu của Ông Mai Anh Tâm; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện giữ EVN và Công ty; Thửa đất số 180, tờ bản đồ số 9 địa chỉ tại Thôn Thanh Bình, xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà tỉnh Lâm Đồng số BO544376.

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(Tiếp theo)

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(7) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14209634/HĐTD ngày 11/09/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất 9,8%/năm.
Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ Trang trại nông nghiệp tại địa điểm đầu tư dự án; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với EVN.

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14209604/HĐTD ngày 11/09/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất 9,6%/năm.

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị, khung nhà xưởng hình thành từ dự án Trang Trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; 350.000 Cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam (mã CRC) thuộc sở hữu của Bà Dương Thị Huyền; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với EVN; Thửa đất số 183, tờ bản đồ số 9 địa chỉ tại Thôn Thanh Bình, xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà tỉnh Lâm Đồng số BO544379.

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14209597/HĐTD ngày 21/08/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất 9,3%/năm.

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ Trang trại nông nghiệp tại địa điểm đầu tư dự án; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với EVN.

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14519932/HĐTD ngày 30/10/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất 9,8%/năm.

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Ông Mai Anh Đức tại thôn Tân Phú, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/13908223/HĐTD ngày 30/10/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất 9,8%/năm.

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại được liệt kê kết hợp điện áp mái; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.

Hợp đồng cho vay số 4636.21.011.9142097.TD ngày 25/01/2021; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất 9,8%/năm.

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị của dự án điện mặt trời mái nhà; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với Điện lực Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng số CX027498.

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14507083/HĐTD ngày 30/10/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất 9,8%/năm.

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại được liệt kê kết hợp điện áp mái; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14532823/HĐTD ngày 30/10/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất 9,8%/năm.

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14519935/HĐTD ngày 30/10/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất 9,8%/năm.

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14514121/HĐTD ngày 30/10/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất 9,8%/năm.

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.

(8) Các khoản vay cá nhân là vay tín chấp dưới 12 tháng, lãi suất 0%.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

5.18 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	10.645.604.925	-	17.008.792.623	1.153.473.945	178.807.871.493
Tăng vốn trong năm trước	150.000.000.000	-	-	-	-	150.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	22.322.655.362	141.150.235	22.463.805.597
Tăng khác	-	-	16.945.321	2.088.571.741	4.295.163.062	6.400.680.124
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	(7.500.000.000)	-	(7.500.000.000)
Phân phối quỹ	-	-	-	(66.589.266)	-	(66.589.266)
Giảm khác	-	-	(16.945.321)	-	(595.118.892)	(612.064.213)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	300.000.000.000	10.645.604.925	-	33.853.430.460	4.994.668.350	349.493.703.735
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	24.019.101.087	517.955.417	24.537.056.504
Tăng khác	-	-	44.672.907	-	-	44.672.907
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông (*)	-	-	-	-	(461.000.000)	(461.000.000)
Thù lao trả HĐQT và BKS (*)	-	-	-	(78.000.000)	-	(78.000.000)
Giảm khác	-	-	(44.672.907)	-	-	(44.672.907)
Số dư cuối năm nay	300.000.000.000	10.645.604.925	-	57.794.531.547	5.051.623.767	373.491.760.239

(*): Trong năm, Công ty trích thù lao trả HĐQT và BKS với số tiền 78.000.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 0904/2022/CRC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/4/2022. Phần chi trả cổ tức bằng cổ phiếu 18.000.000.000 đồng tương đương 6% mệnh giá cổ phần theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 được thực hiện khi có sự phê duyệt phương án tăng vốn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ông Mai Anh Tám	20.000.000.000	20.000.000.000
Ông Mai Anh Đức	14.044.800.000	14.044.800.000
Vốn góp của các đối tượng khác	265.955.200.000	265.955.200.000
Tổng cộng	300.000.000.000	300.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Năm 2022	Năm 2021
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp đầu năm</i>	300.000.000.000	150.000.000.000
+ <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	150.000.000.000
+ <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
+ <i>Vốn góp cuối năm</i>	300.000.000.000	300.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	7.500.000.000
	Năm 2022	Năm 2021
Cổ tức công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán		
+ <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông (i)</i>	600 đồng/cổ phiếu	500đ/ cổ phiếu

(i): Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 0904/2022/CRC/NQ-ĐHCĐ ngày 09/04/2022 thông qua mức trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 6% mệnh giá cổ phần. Kế hoạch chi trả cổ tức để tăng vốn được thực hiện khi có sự phê duyệt phương án tăng vốn của Ủy ban chứng khoán Nhà nước

d. Cổ phiếu:

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.000.000	30.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	10.645.604.925	10.645.604.925

5.19 Các khoản mục ngoại bảng cân đối kế toán hợp nhất

	31/12/2022	01/01/2022
Ngoại tệ các loại	31/12/2022	01/01/2022
Dollar Mỹ (USD)	77.731,52	95.167,65

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng cộng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	421.735.616.888	369.087.805.784
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	366.533.298.759	127.699.397.864
Doanh thu xây dựng, lắp đặt	-	214.337.143.044
Doanh thu cung cấp dịch vụ	55.202.318.129	27.051.264.876
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	421.735.616.888	369.087.805.784
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	<i>366.533.298.759</i>	<i>127.699.397.864</i>
<i>Doanh thu thuần xây dựng, lắp đặt</i>	<i>-</i>	<i>214.337.143.044</i>
<i>Doanh thu thuần dịch vụ</i>	<i>55.202.318.129</i>	<i>27.051.264.876</i>
Trong đó	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu với các bên liên quan	41.127.461.006	29.760.418.139
<i>(Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)</i>		

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn của hàng hoá, thành phẩm đã bán	356.727.090.952	123.655.903.344
Giá vốn hợp đồng xây dựng, lắp đặt	-	211.017.464.678
Giá vốn cung cấp dịch vụ	16.926.075.186	9.054.450.986
Tổng cộng	373.653.166.138	343.727.819.008

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền vay	533.283.613	2.494.919.912
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	18.459.760	651.169.501
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	44.672.907	16.945.321
Lãi thanh lý khoản đầu tư	705.049.977	119.587.162
Tổng cộng	1.301.466.257	3.282.621.896

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền vay	16.440.264.937	10.385.060.081
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	249.764.383	10.069.242
Tổng cộng	16.690.029.320	10.395.129.323

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi phí cho nhân viên	2.003.276.744	1.095.052.246
- Chi phí công cụ quản lý	153.768.566	46.897.428
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	515.484.715	451.883.326
- Thuế, phí và lệ phí	36.000.000	110.097.031
- Chi phí dự phòng	821.543.952	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.472.160.254	2.479.645.965
- Chi phí bằng tiền khác	300.808.612	132.339.178
Tổng cộng	5.303.042.843	4.315.915.174
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.382.364.850	1.798.638.947
Tổng cộng	1.382.364.850	1.798.638.947

6.6 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	918.854.711	754.335.102
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNDN của kỳ này	281.645.221	-
Tổng cộng	1.200.499.932	754.335.102

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế TNDN hoãn lại	26.628.054	(11.521.260)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	-
Tổng cộng	26.628.054	(11.521.260)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022****6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****6.7 Thu nhập khác và chi phí khác**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập khác	709.663.467	10.706.328.549
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	332.107.591
- Lãi từ giao dịch mua rẻ công ty con	-	10.341.113.536
- Công nợ không phải trả	359.632.329	-
- Các khoản khác	350.031.138	33.107.422
Chi phí khác	953.958.971	35.355.053
- Chi phí khấu hao TSCĐ	583.073.284	-
- Lãi chậm nộp BHXH	-	143.603
- Các khoản bị phạt, bị truy thu	323.388.961	34.518.097
- Các khoản khác	47.496.726	693.353
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	(244.295.504)	10.670.973.496

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.576.846.331	106.134.707.587
Chi phí nhân công	2.053.276.744	992.991.940
Chi phí khấu hao TSCĐ	16.649.715.135	8.613.141.596
Chi phí dự phòng	821.543.952	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.976.343.289	20.511.201.576
Chi phí khác bằng tiền	1.096.835.193	1.023.907.213
Tổng cộng	45.174.560.644	137.275.949.912

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24.537.056.504	22.463.805.597
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty Mẹ	24.019.101.087	22.322.655.362
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	30.000.000	17.506.849
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	801	1.275

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022****6.10 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24.019.101.087	22.322.655.362
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	24.019.101.087	22.322.655.362
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	30.000.000	17.506.849
Số cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành bổ sung (i)	51.800.000	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	294	1.275

- (i): Công ty có kế hoạch tăng vốn điều lệ theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 0904/2022/CRC/BB-ĐHCD ngày 09/04/2022 với mức tăng dự kiến 518.000.000.000 đồng (Bao gồm: 300.000.000.000 đồng thông qua phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng; 200.000.000.000 đồng thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp; 18.000.000.000 từ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu). Công ty đã gửi kế hoạch tăng vốn lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, việc tăng vốn sẽ được thực hiện sau khi được Ủy ban chứng khoán nhà nước phê duyệt.

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
7.1. Thanh lý công ty con trong năm		
Tổng giá trị thanh lý	-	15.722.086.000
Phần giá trị thanh lý được thanh toán bằng tiền	-	15.722.086.000
7.2 Các giao dịch phi tiền tệ khác		
+ Tiền thu từ đi vay qua đánh giá chênh lệch tỷ giá	123.941.279	34.937.215
+ Tiền thanh toán vay qua đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	19.972.710
+ Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác chưa thu	28.573.000.000	4.425.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8. THÔNG TIN KHÁC**8.1 Báo cáo bộ phận**

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

a. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh hàng hóa, năng lượng và dịch vụ và đầu tư tài chính. Công ty lập báo cáo bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này.

<i>Chi tiêu</i>	Kinh doanh hàng hóa	Năng lượng và Dịch vụ	Đầu tư tài chính	Tổng cộng
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ				
- Doanh thu bán ra bên ngoài	366.533.298.759	55.202.318.129	-	421.735.616.888
Tổng doanh thu thuần	366.533.298.759	55.202.318.129	-	421.735.616.888
Chi phí kinh doanh	362.178.772.813	18.159.801.018	-	380.338.573.831
- Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	356.727.090.952	16.926.075.186	-	373.653.166.138
- Chi phí bán hàng	1.382.364.850	-	-	1.382.364.850
- Chi phí QLDN	4.069.317.011	1.233.725.832	-	5.303.042.843
Kết quả HĐKD	4.354.525.946	37.042.517.111	-	41.397.043.057
- Thu nhập từ HĐTC	-	-	(15.388.563.063)	(15.388.563.063)
- Lợi nhuận khác	-	-	(244.295.504)	(244.295.504)
- LN/(lỗ) trước thuế	4.354.525.946	37.042.517.111	(15.632.858.567)	25.764.184.490
Chi tiêu				
Tài sản				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.364.375.283	6.813.511.468	13.000.000.000	29.177.886.751
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	400.000.000	400.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	151.914.188.945	21.545.459.935	-	173.459.648.880
Hàng tồn kho	49.474.640.835	-	-	49.474.640.835
Tài sản ngắn hạn khác	25.408.972.714	-	-	25.408.972.714
Các khoản phải thu dài hạn	-	42.450.000.000	-	42.450.000.000
Tài sản cố định	24.434.738.509	249.854.575.060	-	274.289.313.569
Tài sản dở dang dài hạn	25.791.423.269	18.213.701.061	-	44.005.124.330
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	6.790.000.000	6.790.000.000
Tài sản dài hạn khác	522.276.180	-	-	522.276.180
Tổng tài sản	286.910.615.735	338.877.247.524	20.190.000.000	645.977.863.259

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**a. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

<i>Chỉ tiêu</i>	Kinh doanh hàng hóa	Dịch vụ	Đầu tư tài chính	Tổng cộng
Nợ phải trả	121.163.938.868	49.591.877.787	-	170.755.816.655
Nợ ngắn hạn	1.083.038.133	100.647.248.232	-	101.730.286.365
Nợ dài hạn				
Tổng nợ phải trả	122.246.977.001	150.239.126.019	-	272.486.103.020

b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân phối chủ yếu ở trong lãnh thổ nội địa và quốc tế

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Khu vực nội địa	392.151.032.830	347.504.174.704
Khu vực nước ngoài	29.584.584.058	21.583.631.080
Cộng	421.735.616.888	369.087.805.784

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**8.2 Thông tin về các bên có liên quan****Danh sách các bên liên quan có giao dịch chủ yếu trong năm**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty liên kết đến ngày 21/12/2022
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết đến ngày 01/12/2022
Công ty CP phụ gia bê tông Phả Lại	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty cổ phần Gốm sứ Haceco	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT đến ngày 13/12/2022
Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP	BLQ của Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần vật tư điện Hùng Cường	BLQ của Tổng Giám đốc từ ngày 09/03/2022
Công ty cổ phần Tập đoàn Koly	BLQ của Tổng Giám đốc đến ngày 13/12/2022
Công ty TNHH Đầu Tư và TMDV Hoàng Minh BG	BLQ của TV HĐQT từ ngày 09/04/2022
Các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, người quản lý khác, và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

a. Giao dịch với các bên liên quan**Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc**

Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty phát sinh trong năm, chi tiết như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền lương và phụ cấp	527.947.419	147.029.431
<i>Thù lao Hội đồng quản trị</i>	252.000.000	-
<i>Thù lao Ban Kiểm soát</i>	94.186.182	78.916.415
<i>Tiền lương và phụ cấp của Ban Tổng Giám đốc</i>	181.761.237	68.113.016
Các khoản khác	-	-
Tổng cộng	527.947.419	147.029.431

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Hội đồng quản trị		252.000.000	-
Ông Mai Anh Tám	Chủ tịch HĐQT	76.000.000	-
Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên HĐQT	76.000.000	-
Ông Nguyễn Lâm Tùng	Thành viên HĐQT	76.000.000	-
Ông Lê Thành Nhân	Thành viên HĐQT	24.000.000	-
Ban Kiểm soát		94.186.182	78.916.415
Bà Phạm Thị Huệ	Trưởng Ban kiểm soát	75.596.916	78.916.415
Bà Hà Thị Hiến	Thành viên Ban kiểm soát	10.392.844	-
Ông Nguyễn Văn Nhu	Thành viên Ban kiểm soát	8.196.422	-
Ban Tổng Giám đốc		181.761.237	68.113.016
Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc	181.761.237	68.113.016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

8.2 Thông tin về các bên có liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch với các bên có liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
Bán hàng và cung cấp dịch vụ				
Công ty cổ phần Vinasolar Bảo Lộc	Công ty con từ 1/11/2021	Doanh thu xây lắp	-	4.998.556.340
	Có cùng CT HĐQT đến ngày			
Công ty cổ phần CRC Solar Cell	23/12/2021	Doanh thu xây lắp		24.755.735.254
Công ty cổ phần Gốm sứ Haceco	Có cùng CT HĐQT đến 13/12/2022	Bán hàng hóa	16.902.617.855	-
Công ty CP gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty liên kết đến ngày 21/12/2022	Bán hàng hóa	1.901.460.000	
Công ty cổ phần vật tư điện Hùng Cường	BLQ của TGD từ ngày 09/03/2022	Bán hàng hóa	2.594.442.000	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Thương mại SHP	Bên liên quan của TGD	Bán hàng hóa	13.739.222.000	6.126.545
Công ty cổ phần Tập đoàn Koly Cộn	BLQ của TGD đến ngày 13/12/2022	Bán hàng hóa	5.989.719.151	-
			41.127.461.006	29.760.418.139
Mua hàng				
Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP	Bên liên quan của TGD	Mua hàng hóa	15.714.780.000	10.336.717.000
Công ty cổ phần Gốm sứ Haceco	Có cùng CT HĐQT đến 13/12/2022	Mua hàng hóa	192.071.600	-
Công ty cổ phần Tập đoàn Koly Cộn	BLQ của TGD đến ngày 13/12/2022	Mua hàng hóa	13.796.000.000	-
Ông Mai Anh Đức Cộn	Thành viên thân cận của CT.HĐQT	Thuê đất	198.958.200	126.958.200
			29.901.809.800	10.463.675.200
Tiền gửi ủy thác				
Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc	Tất toán tiền gửi ủy thác	-	14.400.000.000
		Lãi tiền gửi ủy thác	-	66.954.585
		Thu lãi tiền gửi ủy thác	-	118.153.358
Bà Phạm Thị Huệ	Trưởng BKS	Nhận ủy thác	-	1.000.000.000
		Tất toán tiền gửi ủy thác	-	12.250.000.000
		Lãi tiền gửi ủy thác	-	147.205.479
		Thu lãi tiền gửi ủy thác	-	188.049.315
Ông Lê Quang Thạch	Giám đốc Công ty con	Nhận ủy thác	-	5.000.000.000
		Tất toán tiền gửi ủy thác	-	5.000.000.000
		Lãi tiền gửi	-	79.910.441
		Thu lãi tiền gửi	-	79.910.441

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**8.2 Thông tin về các bên có liên quan (Tiếp theo)***Giao dịch với các bên có liên quan*

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
Các khoản phải thu, phải trả khác				
	Công ty liên kết	Chi tiền cho mượn	-	300.000.000
Công ty CP gạch ngói Vĩnh Phúc	đến ngày 21/12/2022	Thu tiền cho mượn	-	1.464.974.782
Công ty CP Phụ gia bê tông Phả Lại	Có cùng Chủ tịch HĐQT	Chi tiền cho mượn	-	199.967.000
		Thu hồi tiền cho mượn	-	199.967.000
Đặt cọc				
Ông Mai Anh Đức	Thành viên thân cận của CT.HĐQT	Đặt cọc tiền thuê đất	4.310.000.000	25.690.000.000
Vay				
Ông Lê Quang Thạch	Giám đốc Công ty con	Vay	400.000.000	-
		Trả tiền vay	400.000.000	-
Ông Lê Thành Nhân	Thành viên HĐQT	Vay	19.500.000.000	-
		Trả tiền vay	19.500.000.000	-

b. Số dư với các bên liên quan:

Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, số dư của Công ty với các bên liên quan như sau:

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2022 (VND)</u>	<u>01/01/2022 (VND)</u>
Người mua trả tiền trước		-	7.614.007.040
Công ty cổ phần Tập đoàn Koly	BLQ của TGD đến ngày 13/12/2022	-	5.763.399.040
Công ty cổ phần Gốm sứ Haceco	Có cùng CT HĐQT đến 13/12/2022	-	1.850.608.000
Phải thu khác (đặt cọc tiền thuê đất)		30.000.000.000	25.690.000.000
Ông Mai Anh Đức	Thành viên thân cận của CT.HĐQT	30.000.000.000	25.690.000.000
Phải trả người bán		24.000.000	-
Ông Mai Anh Đức	Thành viên thân cận của CT.HĐQT	24.000.000	-
Trả trước cho người bán		8.900.187.879	-
Công ty TNHH Đầu Tư và TMDV Hoàng Minh BG	BLQ của TV HĐQT từ ngày 09/04/2022	8.381.644.880	-
Công ty cổ phần Đầu tư phát triển SHP	Bên liên quan của TGD	518.542.999	-

8.3 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty có kế hoạch tăng vốn điều lệ theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 0904/2022/CRC/BB-ĐHCĐ ngày 09/04/2022 với mức tăng dự kiến 518.000.000.000 đồng (Bao gồm: 300.000.000.000 đồng thông qua phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng; 200.000.000.000 đồng thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp; 18.000.000.000 đồng từ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu). Công ty đã gửi kế hoạch tăng vốn lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, việc tăng vốn sẽ được thực hiện sau khi được Ủy ban chứng khoán nhà nước phê duyệt.

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính ngoài sự kiện nêu trên có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

8.4 Thông tin so sánh


Thông tin so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - chi nhánh Miền Bắc.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ THÚY NGA

VŨ THỊ THỦY

DUYNG THỊ HUYỀN

